TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/DS-ST
Ngày: 19-8-2026
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 03 năm 2025 về Tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2026/QĐXXST-DS ngày 16/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2026/QĐST-DS ngày 07/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2026/QĐST-DS ngày 27/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chu Trọng Y, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L (Trước đây là tổ 9, khu phố R, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh B).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Huyền A, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L (Trước đây là tổ 9, khu phố R, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh B).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà Dương Thị L1, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Số 136 đường số 3, thôn Đ4, xã H, tỉnh L (Trước đây là tổ 9, thôn K, xã Đ5, huyện Đ2, tỉnh B).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Viết Th, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Số 136 đường số 3, thôn Đ4, xã H, tỉnh L (Trước đây là tổ 9, thôn K, xã Đ5, huyện Đ2, tỉnh B).

+ Ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L (Trước đây là tổ 9, khu phố R, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh B).

+ Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: Phường X, tỉnh L. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H3 – Chức vụ: Trưởng phòng thi hành án dân sự khu vực U; địa chỉ: Phòng thi hành án dân sự khu vực U, thôn Q, xã Đ6, tỉnh L.

+ Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1941; Nơi cư trú: Số nhà 33 đường số 23, thôn R1, xã Tr, tỉnh L (Trước đây là thôn R2, xã Tr, huyện Đ2, tỉnh B). Bà T đã chết vào ngày 10/4/2026 (Theo trích lục khai tử số 57/2026/TLKT, ngày 23/4/2026).

+ Ông Chu Văn T2, sinh năm 1939; Nơi cư trú: Số nhà 33 đường số 23, thôn R1, xã Tr, tỉnh L (Trước đây là thôn R2, xã Tr, huyện Đ2, tỉnh B). Ông T2 đã chết vào ngày 05/12/2025 (Theo Giấy chứng tử số 70/2025, quyển số 02/2025 ngày 18/12/2025).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đoàn Thị T, ông Chu Văn T2:

1. Bà Chu Thị Th1, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Số nhà 33 đường số 23, thôn R1, xã Tr, tỉnh L (Trước đây là thôn R2, xã Tr, huyện Đ2, tỉnh B).

2. Ông Chu Văn Th2, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Số nhà 227 đường Z30A, thôn N2, xã Tr, tỉnh L (Trước đây là thôn N2, xã Đ7, huyện Đ2, tỉnh B).

3. Ông Chu Văn Th3, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số nhà 33 đường số 23, thôn R1, xã Tr, tỉnh L (Trước đây là thôn R2, xã Tr, huyện Đ2, tỉnh B).

4. Bà Chu Thị Th4, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Số nhà 350 đường ĐT766, thôn R1, xã Tr, tỉnh L (Trước đây là thôn R2, xã Tr, huyện Đ2, tỉnh B).

Ông Y có mặt tại phiên tòa. Ông A, ông H1, bà Th1, ông Th2, ông Chu Văn Th3, bà Th4 vắng mặt tại phiên tòa. Bà L1, ông Nguyễn Viết Th, đại diện Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Chu Trọng Y trình bày:

Cha mẹ ông Y là ông Nguyễn Trọng Huyền A và bà Chu Thị Th5 (sinh năm 1979, chết năm 2023). Ông A, bà Th5 đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Đ2, tỉnh B (Nay là xã Tr, tỉnh L). Ông A, bà Th5 có hai người con ruột là ông Nguyễn Chu Trọng Y và ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, ngoài ra không còn con ruột, con nuôi nào khác. Bà Chu Thị Th5 có cha mẹ đẻ là ông Chu Văn T2 (sinh năm 1939) và bà Đoàn Thị T (sinh năm 1941), ngoài ra không có cha mẹ nuôi nào khác. Tại thời điểm khởi kiện, ông T2 và bà T vẫn còn sống. Năm 2015, ông A được cha, mẹ tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 616A1, tờ bản đồ số 8, diện tích 108m^2 toạ lạc tại thôn Đ, xã H, tỉnh L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 039464 do Uỷ ban nhân dân huyện Đ2 cấp ngày 22/6/2015. Tài sản gắn liền với thửa đất trên gồm một căn

nhà cấp 4 diện tích khoảng 108 m^2 do ông A và bà Th5 cùng nhau góp tiền để xây dựng vào năm 2018 (căn nhà trên chưa được cập nhật trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ngày 31/10/2023, bà Th5 chết không để lại di chúc, do đó ½ căn nhà cấp 4 trên là di sản mà bà Chu Thị Th5 để lại. Hiện nay, những người được hưởng di sản của bà Chu Thị Th5 gồm: Ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, ông Chu Văn T2 và bà Đoàn Thị T. Từ khi bà Th5 chết đến nay những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Th5 đều chưa thực hiện thủ tục kê khai, phân chia di sản thừa kế. Ông Y đã nhiều lần yêu cầu những người thừa kế của bà Th5 phân chia di sản thừa kế là căn nhà cấp 4 nêu trên nhưng ông A không đồng ý, việc này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Y và của những người thừa kế khác. Vì vậy, ông Y làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng giải quyết như sau:

Yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng phân chia di sản thừa kế của bà Chu Thị Th5 theo pháp luật cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Th5 đối với 1/2 giá trị căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 616A1, tờ bản đồ số 8, toạ lạc thôn Đ, xã H, tỉnh L. Ông Y yêu cầu được hưởng 1/5 di sản của bà Th5 để lại tương ứng với 1/10 giá trị căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 616A1, tờ bản đồ số 8, toạ lạc thôn Đ, xã H, tỉnh L.

* Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Dương Thị L1, nguyên đơn ông Nguyễn Chu Trọng Y không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà L1.

- Tại bản tự khai ngày 11/04/2025 và bản tự khai ngày 16/5/2025, bị đơn ông Nguyễn Trọng Huyền A trình bày:

Ông A và bà Chu Thị Th5 kết hôn từ năm 2000, đến năm 2018 vợ chồng có xây dựng một căn nhà trên mảnh đất đứng tên ông Nguyễn Trọng Huyền A. Vì vậy căn nhà trên là tài sản chung của hai vợ chồng. Năm 2023 bà Chu Thị Th5 chết. Nay ông A nhận được đơn khởi kiện của con trai là ông Nguyễn Chu Trọng Y về việc được hưởng thừa kế của người đã chết. Vì vậy ông đồng ý để Tòa án phân chia theo đúng pháp luật.

** Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Dương Thị L1, ông A trình bày:*

Ông A là chồng của bà Chu Thị Th5, sinh năm 1979 (chết năm 2023). Giữa vợ chồng ông có 02 người con là Nguyễn Chu Trọng Y, sinh năm 2001 và Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, sinh năm 2002. Ngoài ra không có con nuôi và con riêng nào. Mẹ ruột của bà Th5 là bà Đoàn Thị T, cha ruột là ông Chu Văn T2, cư trú tại xã Tr.

Theo yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị L1, thì bà L1 cho rằng bà Th5 nợ bà L1 số tiền 300.000.000 đồng. Việc này ông A không biết vì không nghe bà Th5 nói. Vì vậy ông A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông A không biết bà Th5 có tài sản nào hay không.

- Tại Đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 09/4/2025, đơn khởi kiện bổ sung không đề ngày và bản tự khai ngày 16/05/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L1 trình bày:

* Đối với yêu cầu độc lập tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2025 đã được Tòa án thụ lý theo thông báo về việc thụ lý vụ án số 136/2025/TB-TLVA ngày 22/4/2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại: Bà L1 và bà Chu Thị Th5 là chỗ quen biết làm ăn. Ngày 28/9/2022, bà Th5 có mượn bà L1 số tiền 800.000.000 đồng. Việc mượn tiền có lập Giấy mượn tiền, nội dung ghi bà Chu Thị Th5, sinh năm 1979, căn cước 060179013007, chỗ ở hiện nay Số 6 đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh B. Vào ngày 28/9/2022, bà Th5 mượn bà L1 số tiền 800.000.000 đồng, đến ngày 03/10/2022, bà Th5 trả lại số tiền trên. Trong giấy có chữ ký của bà Th5.

Sau đó, bà Th5 có trả được cho bà L1 số tiền 500.000.000 đồng.

Bà Th5 có chồng là ông Nguyễn Trọng Huyền A. Bà Th5 và ông A có 02 người con là Nguyễn Chu Trọng Y, sinh năm 2001 và Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, sinh năm 2002. Mẹ ruột của bà Th5 là bà Đoàn Thị T, cha ruột là ông Chu Văn T2, cư trú tại xã Tr.

Tháng 10 năm 2023, bà Th5 chết. Số tiền bà Th5 còn nợ lại bà L1 là 300.000.000 đồng. Bà L1 đã từng đến nhà yêu cầu chồng bà Th5 là ông Nguyễn Trọng Huyền A trả số tiền trên tuy nhiên ông A không đồng ý. Bà L1 được biết, bà Th5 trong thời gian còn sống có tài sản là 01 căn nhà tọa lạc tại Số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L. Nhà được xây dựng trên thửa đất số 616A1, tờ bản đồ số 8, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA039464 do UBND huyện Đ2, tỉnh B cấp ngày 22/6/2015 cho ông Nguyễn Trọng Huyền A. Căn nhà này là tài sản chung của bà Th5 và ông A, vì vậy, bà Th5 có ½ giá trị căn nhà là tài sản của bà.

Bà L1 xác định, bà và ông Nguyễn Viết Th đã ly hôn, số tiền bà L1 cho bà Th5 mượn là tài sản riêng của bà L1, không liên quan đến ông Th. Bà Th5 mượn tiền với tư cách cá nhân chứ không phải với tư cách là vợ chồng bà Th5, ông A.

Vì vậy, bà L1 khởi kiện tại Tòa án yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Chu Thị Th5 là ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, ông Chu Văn T2, bà Đoàn Thị T có trách nhiệm trả cho bà L1 số tiền 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

* Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại theo Thông báo về việc thụ lý bổ sung yêu cầu độc lập số 99A/TB-TLBS ngày 27/11/2025, bà Dương Thị L1 trình bày như sau: Ngày 22/4/2025, Tòa án nhân dân huyện Đ2,

tỉnh B (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng) đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 136/2025/TLST-DS ngày 22/4/2025, về việc "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại". Nay bà L1 yêu cầu bổ sung như sau: Ngày 05/10/2022, bà Chu Thị Th5 có đến nhà bà L1 vay mượn số tiền 130.000.000 đồng, mục đích mượn làm ăn. Ngày 24/4/2023, bà L1 có giao dịch qua chuyển khoản ngân hàng tới số tài khoản đứng tên CHU THI THAM số tài khoản 4813205032289, số tiền 02 lần chuyển là 600.000.000 đồng. Ngày 10/02/2023, bà L1 tiếp tục có giao dịch qua chuyển khoản ngân hàng tới số tài khoản đứng tên CHU THI THAM số tài khoản 4813205032289, số tiền 04 lần chuyển là 1.400.000.000 đồng. Nay bà L1 yêu cầu buộc ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, ông Chu Văn T2 và bà Đoàn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ do bà Chu Thị Th5 để lại là trả cho bà L1 số tiền 2.130.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu lãi suất.

+ Ngày 06/4/2026, bà L1 có Đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung tại Đơn khởi kiện bổ sung không đề ngày được Tòa án thụ lý theo Thông báo về việc thụ lý bổ sung yêu cầu độc lập số 99A/TB-TLBS ngày 27/11/2025 về việc buộc ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, ông Chu Văn T2 và bà Đoàn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ do bà Chu Thị Th5 để lại là trả cho bà L1 số tiền 2.130.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu lãi suất.

* Đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Chu Trọng Y thì bà Dương Thị L1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại bản trình bày ý kiến ngày 06/4/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết Th trình bày: Trước đây ông Th và bà Dương Thị L1, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Số 136 đường số 3, thôn Đ4, xã H, tỉnh L là vợ chồng nhưng đã ly hôn. Số tiền mà bà Dương Thị L1 cho bà Chu Thị Th5 mượn mà hiện nay bà L1 có yêu cầu độc lập giải quyết trong vụ án dân sự thụ lý số 99/2025/TLST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” giữa ông Nguyễn Chu Trọng Y với ông Nguyễn Trọng Huyền A, là tài sản riêng của một mình bà Dương Thị L1. Ông Th không có liên quan gì đến tranh chấp giữa các bên nên ông từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án không triệu tập ông.

- Tại bản tự khai đề ngày 30/12/2025 và bản tự khai đề ngày 14/01/2026, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh L trình bày: Theo Bản án số 140/2024/DS-PT ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh B, thì ông

Nguyễn Trọng Huyền A, sinh năm: 1977, số CMND: 261128436, nơi cư trú: Số 06 đường Lý Thường Kiệt, tổ 9, khu phố R, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh B phải thi hành các khoản sau:

+ Nộp 90.426.000 đồng án phí.

+ Trả cho ông Nguyễn Viết Phương và bà Cao Thị Kiều Dung, địa chỉ: Số 136 đường số 3, tổ 9, thôn K, xã Đ5, huyện Đ2, tỉnh L số tiền 2.921.300.000 đồng và lãi chậm thi hành án.

+ Ngoài ra ông Nguyễn Trọng Huyền A phải trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đức Linh số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng và lãi theo Hợp đồng tín dụng (tài sản thế chấp là Quyền sử dụng thửa đất số 616A1, tờ bản đồ số 8, diện tích 108m^2 đất ở và tài sản trên đất tọa lạc khu phố R, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 039464 được Ủy ban nhân dân huyện Đ2 cấp ngày 22/6/2015).

Tất cả các khoản phải thi hành nêu trên là nghĩa vụ riêng của ông Nguyễn Trọng Huyền A.

Ngày 13/12/2024, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ2, tỉnh B (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17, tỉnh L) đã kê biên tài sản của ông Nguyễn Trọng Huyền A là Quyền sử dụng thửa đất số 616A1, tờ bản đồ số 8, diện tích 108m^2 đất ở và tài sản trên đất tọa lạc tại khu phố R, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 039464 được Ủy ban nhân dân huyện Đ2 cấp ngày 22/6/2015 (có biên bản kê biên kèm theo) để trả nợ đảm bảo cho Ngân hàng và trả nợ công dân. Đây là tài sản riêng của ông A. Ngoài tài sản cơ quan Thi hành án đã kê biên thì ông Nguyễn Trọng Huyền A không còn tài sản gì để thi hành án.

Căn cứ "*Điều 90. Kê biên, xử lý tài sản đang cầm cố, thế chấp*

Trường hợp người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, Chấp hành viên có quyền kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án.

Khi kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp, Chấp hành viên phải thông báo ngay cho người nhận cầm cố, nhận thế chấp; khi xử lý tài sản kê biên, người nhận cầm cố, nhận thế chấp được ưu tiên thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật này".

Do đó, Chấp hành viên có quyền kê biên tài sản đang thế chấp mà không cần sự đồng ý của Ngân hàng và người phải thi hành án. Sau khi bán tài sản nêu trên, sẽ ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng theo quy định.

Vì toàn bộ tài sản này hiện đang thế chấp Ngân hàng và cơ quan Thi hành án đã kê biên để đảm bảo thi hành án, đồng thời để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của công dân và đảm bảo Bản án của Tòa án được thi hành

trên thực tế, Thi hành án dân sự tỉnh L đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 17 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Dương Thị L1, Cơ quan thi hành án không có văn bản thể hiện ý kiến.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, bà Đoàn Thị T, ông Chu Văn T2, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đoàn Thị T, ông Chu Văn T2 là bà Chu Thị Th1, ông Chu Văn Th2, ông Chu Văn Th3, bà Chu Thị Th4 vắng mặt trong các buổi làm việc nên không có ý kiến.

* **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn ông Nguyễn Chu Trọng Y trình bày: Hiện nay cha mẹ của bà Th5 là ông Chu Văn T2 và bà Đoàn Thị T đã chết, ông T2 và bà T có 05 người con ruột là bà Chu Thị Th1, ông Chu Văn Th2, ông Chu Văn Th3, bà Chu Thị Th4, bà Chu Thị Th5, trong đó, bà Th5 đã chết trước ông T2, bà T. Ông Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Chu Thị Th5 để lại là ½ giá trị căn nhà tại địa chỉ số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L làm 05 phần cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Th5 là ông Chu Văn T2, bà Đoàn Thị T, ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1. Do ông T2, bà T đã chết, nên 02 phần chia cho ông T2, bà T sẽ do các con của ông T2, bà T là bà Th1, ông Th2, ông Th, bà Th4 quản lý, sử dụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà L1 thì ông Y cho rằng ông không biết giấy tờ vay và không ký vào giấy tờ này nên ông không thể nêu ý kiến.

*** Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá thể hiện:**

- Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2025, ghi nhận căn nhà nằm trên thửa đất số 616A1, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L (Trước đây là tổ 9, khu phố R, thị trấn Đ1, huyện Đ2, tỉnh B).

+ Đặc điểm và kết cấu căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2018 dạng trệt như sau: Móng nhà xây đá chẻ, tường xây gạch có tô trát và sơn nước bên trong, trần la phong tôn lạnh, nền lát gạch men 40cm x 40cm, mái lợp tôn. Căn nhà có diện tích 86,43m^2 (Trong đó, có 11,25m^2 nằm trong chỉ giới xây dựng). Kích thước nhà ngang 4,3m, dài 20,1m (đo thước dây).

+ Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ có kèm theo họa đồ vị trí nhà đất tranh chấp lập ngày 19/6/2025.

+ Ngoài ra, trong căn nhà có một số đồ đạc có thể di dời được, các đương sự không tranh chấp nên không yêu cầu ghi nhận vào biên bản.

+ Hiện tại căn nhà đang do ông Nguyễn Trọng Huyền A quản lý sử dụng.

+ Căn nhà thuộc sở hữu của ông Nguyễn Trọng Huyền A và bà Chu Thị Th5 nằm trên phần đất thuộc quyền sở hữu của cá nhân ông Nguyễn Trọng Huyền A.

- Tại biên bản định giá tài sản ngày 18/9/2025, tài sản tranh chấp cần định giá là căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2018 (nằm trên thửa đất số 616A1, tờ bản đồ số 08) tại địa chỉ số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L (Trước đây là số 06 đường Lý Thường Kiệt, tổ 9, thôn Đức Tài 2, xã H, tỉnh L). Tỉ lệ hao mòn của căn nhà là 6.67% x 8 năm.

Hội đồng định giá đưa ra mức giá căn nhà trên (sau khi trừ diện tích 11,25m^2 nằm trong hành lang chỉ giới xây dựng) là 161.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu đồng).

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Trọng Huyền A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1 có mặt tại phiên tòa ngày 07/7/2026 và vắng mặt tại phiên tòa ngày 27/7/2026, ngày 19/8/2026, cả ba lần đều được Tòa án tống đạt hợp lệ. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đoàn Thị T, ông Chu Văn T2 là bà Chu Thị Th1, ông Chu Văn Th2, ông Chu Văn Th3, bà Chu Thị Th4 vắng mặt ngày 07/7/2026, ngày 27/7/2026, ngày 19/8/2026. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Dương Thị L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết Th, đại diện Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định.

Về nội dung:

+ Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, tại đơn khởi kiện, xác định bà Th5 có di sản để lại là ½ căn nhà được xây dựng năm 2018 tại số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L.

+ Về yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L1, căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L1, buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Chu Thị Th5 là ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đoàn Thị T, ông Chu Văn T2 là bà Chu Thị Th1, ông Chu Văn Th2, ông Chu Văn Th3, bà Chu Thị Th4 có trách nhiệm trả cho bà L1 số tiền 300.000.000 đồng bà Th5 còn nợ. Việc thực hiện nghĩa vụ trong phạm di sản do bà Th5 để lại.

+ Tại hồ sơ thể hiện giá trị di sản bà Th5 để lại là ½ căn nhà với giá 161.000.000 đồng/2= 80.500.000 đồng. So với số tiền bà Th5 còn nợ bà L1 thì di sản không đủ thanh toán. Theo quy định tại Điều 615, Điều 658 Bộ luật Dân sự, thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Th5 phải thực hiện nghĩa vụ cho bà L1 trước, nếu di sản còn thì mới chia di sản thừa kế. Tuy nhiên,

vì di sản khi thực hiện nghĩa vụ sẽ không còn nên không thể tiến hành chia thừa kế được. Từ đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Vì bà L1 đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện độc lập bổ sung của bà L1 đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, ông Chu Văn T2 và bà Đoàn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ do bà Chu Thị Th5 để lại là trả cho bà L1 số tiền 2.130.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bị đơn ông Nguyễn Trọng Huyền A, có nơi cư trú tại số 06 đường Lý Thường Kiệt, tổ 9, thôn Đ, xã H, tỉnh L. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[1.2] Việc xác định quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết phân chia di sản thừa kế. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L1 yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản và tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại. Căn cứ vào các Khoản 2, 3, 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị T chết vào ngày 10/4/2026 (Theo trích lục khai tử số 57/2026/TLKT, ngày 23/4/2026) và ông Chu Văn T2 chết vào ngày 05/12/2025 (Theo Giấy chứng tử số 70/2025, quyển số 02/2025 ngày 18/12/2025). Theo Công văn số 683/UBND-VP ngày 17/4/2026 và Công văn số 809/UBND-VP ngày 06/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tr thì hàng thừa kế thứ nhất của bà T, ông T2 gồm 04 người con ruột là bà Chu Thị Th1, ông Chu Văn Th2, ông Chu Văn Th3, bà Chu Thị Th4. Do đó, Tòa án đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà T, ông T2.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L1, ông Nguyễn Viết Th, Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Trọng Huyền A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1 có mặt tại phiên tòa ngày 07/7/2026 và vắng mặt tại phiên tòa ngày 27/7/2026, ngày 19/8/2026, cả ba lần đều được Tòa án tống đạt hợp lệ. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn T2, bà Đoàn Thị T là bà Chu Thị Th1, ông Chu Văn Th2, ông Chu Văn Th3, bà Chu

Thị Th4 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 03 lần vào ngày 07/7/2026, ngày 27/7/2026 ngày 19/8/2026 nhưng vắng mặt không lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Quan hệ huyết thống: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L1 thống nhất ông Nguyễn Trọng Huyền A và bà Chu Thị Th5 là vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Chu Trọng Y, sinh năm 2001 và Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, sinh năm 2002. Ngoài ra ông A, bà Th5 không có con riêng hay con nuôi nào khác. Cha mẹ bà Th5 là ông Chu Văn T2 và bà Đoàn Thị T. Theo tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập và lời trình bày của nguyên đơn thì quá trình tố tụng, ông T2 và bà T đã chết. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tranh chấp chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chu Trọng Y:

[3.1] Về nguồn gốc tài sản: Tài sản tranh chấp theo nguyên đơn, bị đơn xác định là ½ căn nhà cấp 4 dạng trệt xây dựng năm 2018. Căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 616A1, tờ bản đồ số 08 tại địa chỉ số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L, thửa đất này là tài sản riêng của ông A được Ủy ban nhân dân huyện Đ2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 039464, ngày 22/6/2015. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2025 ghi nhận, hiện trạng căn nhà có kích thước ngang 4,3m, dài 20,1m (đo thước dây), diện tích xây dựng 86,43m^2 (trong đó, có 11,25m^2 nằm trong chỉ giới xây dựng). Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân, ông A và bà Th5 cùng xây dựng căn nhà này vào năm 2018 và sinh sống tại căn nhà trên. Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì căn nhà trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông A, bà Th5 nên có đủ cơ sở xác định đây là tài sản chung của ông A, bà Th5.

Năm 2023, bà Th5 chết, không để lại di chúc (Theo Giấy chứng nhận khai tử số 118/2023 ngày 08/11/2023 của UBND thị trấn Đ1 (Nay là UBND xã H). Từ đó cho đến nay, căn nhà do ông A quản lý, sử dụng. Sống chung tại căn nhà cùng ông A còn có các con là ông Y, ông H1.

Từ các căn cứ trên xác định, di sản do bà Th5 để lại là ½ căn nhà cấp 4 dạng trệt xây dựng năm 2018 tại địa chỉ số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L.

[3.2] Hàng thừa kế thứ nhất của bà Th5: Gồm có 05 người gồm: Cha là ông Chu Văn T2, mẹ là bà Đoàn Thị T, chồng là ông Nguyễn Trọng Huyền A, con là Nguyễn Chu Trọng Y và Nguyễn Chu Trọng Nhật H1. Tuy nhiên, vì ông T2, bà T đã chết trong quá trình tố tụng, vì vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông T2, bà T sẽ tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ gồm có: Bà Chu Thị Th1, ông Chu Văn Th2, ông Chu Văn Th3, bà Chu Thị Th4.

[3.3] Về giá trị tài sản: Các đương sự thống nhất áp dụng giá theo Hội đồng định giá đưa ra, cụ thể: Căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2018 tại địa chỉ số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L, diện tích 86,43 m^2, trừ diện tích 11,25m^2 nằm trong hành lang chỉ giới xây dựng, tỷ lệ hao mòn là 6.67% x 8 năm, có giá là 161.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu đồng). Như vậy, phần di sản bà Th5 để lại có giá trị 161.000.000 đồng/2 = 80.500.000 đồng.

[3.4] Hồ sơ thế chấp giữa ông A và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam do Tòa án thu thập tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực Đức Linh và tại Ngân hàng thể hiện: Ngày 07/4/2022, ông A có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 080422/ĐTA/HĐTC với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ2 Bình Thuận (Nay là Chi nhánh Đức Linh Bình Thuận), trong Hợp đồng thể hiện việc ông A thế chấp thửa đất số 616A1, tờ bản đồ số 08, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 039464 được Ủy ban nhân dân huyện Đ2 cấp ngày 22/6/2015 cho ông Nguyễn Trọng Huyền A, đất tọa lạc số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L, việc ký kết do cá nhân ông A thực hiện. Thửa đất này là tài sản cá nhân của ông A có nguồn gốc sử dụng là nhận tặng cho đất. Như vậy, tài sản thế chấp chỉ bao gồm quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 039464. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 325 Bộ luật dân sự, trong trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất, nhưng căn nhà trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông A, bà Th5. Theo quy định tại Điều 31, 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì việc xác lập các giao dịch liên quan đến nhà là nơi ở duy nhất của vợ chồng phải có sự thỏa thuận của vợ chồng. Căn cứ vào các điều trên, nhận thấy căn nhà này không phải là tài sản thế chấp, trong trường hợp tài sản thế chấp bị xử lý thì phần giá trị tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của bà Th5 sẽ không liên quan mà được dùng để thực hiện các nghĩa vụ của cá nhân bà Th5, nghĩa vụ chung của bà Th5 với người khác và chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế của bà Th5.

[4] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2025 đã được Tòa án thụ lý theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 136/2025/TB-TLVA ngày 22/4/2025:

[4.1] Nội dung: Bà L1 khởi kiện tại Tòa án yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Chu Thị Th5 là ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, ông Chu Văn T2, bà Đoàn Thị T có trách nhiệm trả cho bà L1 số tiền 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Nộp kèm là bản chính Giấy mượn tiền ngày 28/9/2022.

[4.2] Theo Giấy mượn tiền ngày 28/9/2022 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: Bà Chu Thị Th5, 1979, căn cước 060179013007, chỗ ở hiện nay: số 6 Lý Thường Kiệt, Đức Tài, Đức Linh, Bình Thuận. Vào ngày

28/9/2022, bà Th5 mượn của bà L1 số tiền 800.000.000 đồng đến ngày 03/10/2022 bà Th5 trả lại số tiền trên. Phía dưới có chữ ký của bà Chu Thị Th5.

Bà L1 trình bày, theo Giấy mượn tiền trên, bà Th5 mượn bà số tiền 800.000.000 đồng với tư cách cá nhân, tuy nhiên, bà Th5 đã trả được 500.000.000 đồng và chỉ còn nợ lại 300.000.000 đồng. Quá trình tố tụng, mặc dù chồng của bà Th5 là ông A trình bày không biết việc bà Th5 mượn tiền của bà L1, con của bà Th5 là ông Y trình bày không biết gì về giấy vay tiền này và không ký vào giấy tờ này nên ông không thể nêu ý kiến, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Th5 là ông T2, bà T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của họ là bà Th1, ông Th2, ông Th, bà Th4 không có ý kiến gì đối với các yêu cầu trong hồ sơ này, nhưng không ai có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền này, do đó, có căn cứ xác định, việc bà Th5 mượn bà L1 số tiền 800.000.000 đồng là có thật và theo như sự thừa nhận của nguyên đơn, bà Th5 chỉ còn nợ lại 300.000.000 đồng.

Theo mục [3.1] đã xác định, bà Th5 có di sản để lại. Vì vậy, yêu cầu của bà L1 là có căn cứ để chấp nhận.

Số tiền này bà Dương Thị L1 và ông Nguyễn Viết Th đều xác định là tài sản của cá nhân bà L1 cho bà Th5 mượn, nên việc thực hiện nghĩa vụ chỉ thực hiện đối với cá nhân bà L1.

[4.3]. Vì yêu cầu của bà L1 có căn cứ nên theo quy định tại Điều 615, 658 Bộ luật Dân sự, những người hưởng thừa kế của bà Th5 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà Th5 để lại trước mới thực hiện phân chia di sản thừa kế. Theo trình bày của ông A, ông không biết bà Th5 còn tài sản nào khác ngoài tài sản đang tranh chấp trong vụ án. Như đã nêu tại mục [3.3], di sản bà Th5 để lại có giá trị là 80.500.000 đồng. Nghĩa vụ thực hiện cho bà L1 là 300.000.000 đồng, vì vậy, giá trị di sản này không còn để thực hiện chia di sản thừa kế.

[5] Về yêu cầu độc lập bổ sung của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L1 về tranh chấp kiện đòi tài sản, tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại theo Thông báo về việc thụ lý bổ sung yêu cầu độc lập số 99A/TB-TLBS ngày 27/11/2025: Ngày 06/4/2026, bà L1 có Đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung tại Đơn khởi kiện bổ sung không đề ngày được Tòa án thụ lý theo Thông báo về việc thụ lý bổ sung yêu cầu độc lập số 99A/TB-TLBS ngày 27/11/2025 đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, ông Chu Văn T2 và bà Đoàn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ do bà Chu Thị Th5 để lại là trả cho bà L1 số tiền 2.130.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu lãi suất. Đây là ý kiến tự nguyện của bà L1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

[6] Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L1, đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi

kiện độc lập của bà L1. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp, nguyên đơn đã nộp đủ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 92, 144, 147, 157, 165, Điểm c Khoản 1 Điều 217, 227, 228, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 3, 105, 158, 163, 166, 210, 325, 463, 466, 468, 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 31, 33, 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, được sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chu Trọng Y đối với ông Nguyễn Trọng Huyền A về việc "*tranh chấp về thừa kế tài sản*" là ½ giá trị căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2018 tại địa chỉ số 06 đường Lý Thường Kiệt, thôn Đ, xã H, tỉnh L là di sản do bà Chu Thị Th5 để lại.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L1 đối với ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, bà Chu Thị Th1, ông Chu Văn Th2, ông Chu Văn Th3, bà Chu Thị Th4 về việc "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*".

Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Chu Thị Th5 là ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Chu Văn T2, bà Đoàn Thị T là bà Chu Thị Th1, ông Chu Văn Th2, ông Chu Văn Th3, bà Chu Thị Th4 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Dương Thị L1 số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Chu Thị Th5 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Chu Văn T2, bà Đoàn Thị T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà Chu Thị Th5 để lại.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị L1 về việc "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản, thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*" đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, ông Chu Văn T2 và bà Đoàn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ do bà Chu Thị Th5 để lại là trả cho bà L1 số tiền 2.130.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Nguyễn Chu Trọng Y không phải chịu án phí đối với yêu cầu tranh chấp về thừa kế tài sản.

Trả lại cho ông Nguyễn Chu Trọng Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005305 ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng (Trước đây là Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ2, tỉnh B).

4.2. Ông Nguyễn Trọng Huyền A, ông Nguyễn Chu Trọng Y, ông Nguyễn Chu Trọng Nhật H1, bà Chu Thị Th1, ông Chu Văn Th2, ông Chu Văn Th3, bà Chu Thị Th4 phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà L1 được chấp nhận.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Chu Thị Th5 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Chu Văn T2, bà Đoàn Thị T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ án phí trong phạm vi di sản do bà Chu Thị Th5 để lại.

4.3. Trả lại cho bà Dương Thị L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005393 ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 – Lâm Đồng (Trước đây là Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ2, tỉnh B) và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.300.000 đồng (Ba mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009416 ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh L.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Nguyễn Chu Trọng Y phải chịu 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Nguyên đơn đã nộp đủ.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:
- Đương sự (10);
- VKSND KV 17 – Lâm Đồng (1);
- Phòng THADS KV 17 – Lâm Đồng (1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Dung